

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BÌNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/DS-ST
Ngày: 31 – 3 – 2021
V/v tranh chấp về hợp đồng
tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Hồng Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Trí.
2. Ông Nguyễn Hoàng Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình tham gia phiên tòa: Ông Võ Thanh Trường Giang – là kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 254/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng ***** (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T; chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số ***, đường THD, KĐT MĐ1, quận TL, Thành phố HN.

Người đại diện hợp pháp của ông Tiết Văn T: Ông Bùi Hữu L, sinh năm 1974; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng ***** – Chi nhánh huyện TB, địa chỉ: Số ***, QL **, thị trấn ThB, huyện TB, tỉnh ĐT là người đại diện theo ủy quyền (theo Quyết định số: 2965/QĐ-NHN₀-PC, ngày 27/12/2019).

Người đại diện hợp pháp của ông Bùi Hữu L: Ông Dương Thọ T1; chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch và kinh doanh Ngân hàng ***** – Chi nhánh huyện Thanh Bình, địa chỉ: Số ***, QL **, thị trấn ThB, huyện TB, tỉnh ĐT là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 28/UQ-NHN₀TB-KHKD ngày 10/3/2021).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1978.

Địa chỉ cư trú: Ấp ***, xã TM, huyện TB, tỉnh ĐT.

Anh Dương Thọ T1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; chị Nguyễn Thị S là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn Ngân hàng ***** trình bày:*

Ngày 24/7/2019, Ngân hàng ***** và chị Nguyễn Thị S ký Hợp đồng tín dụng số: 6507LAV201906117/HĐTD. Theo Hợp đồng, chị S vay của Ngân hàng số tiền 790.000.000 đồng (Bảy trăm chín mươi triệu đồng); mục đích mua bán lúa gạo, định kỳ trả nợ gốc 01 kỳ, hạn trả cuối cùng ngày 24/01/2020, định kỳ trả lãi 03 tháng/lần vào ngày 24.

Để đảm bảo khoản vay, Ngân hàng ***** và chị Nguyễn Thị S đã ký Hợp đồng thế chấp số: 035 ngày 16/8/2016. Theo Hợp đồng, chị S thế chấp tài sản gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CB380439, cấp ngày 31/12/2015, do bà Nguyễn Thị S đứng tên; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CB380440, cấp ngày 31/12/2015, do bà Nguyễn Thị S đứng tên.

Ngày 24/7/2019, Ngân hàng đã giải ngân cho chị S số tiền 790.000.000 đồng. Đến nay, chị S đã không trả tiền gốc và lãi cho Ngân hàng nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ đến hạn, thông báo chuyển nợ quá hạn, thông báo đòi nợ xấu nhưng đến nay chị S không hợp tác, không khắc phục việc trả nợ cho ngân hàng.

Ngân hàng ***** yêu cầu chị Nguyễn Thị S trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 790.000.000 đồng và tiền lãi là 196.292.327 đồng (trong đó: Lãi trong hạn là 107.526.575 đồng, lãi quá hạn là 53.763.288 đồng và lãi chậm trả là 3.889.451 đồng) tổng cộng vốn và lãi là 986.292.327 đồng (Chín trăm tám mươi sáu triệu hai trăm chín mươi hai nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng), yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh đến khi Ngân hàng thu hết khoản nợ.

Trường hợp, chị S không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 035, ký ngày 16/8/2016.

Sau khi chị S hoàn thành việc trả nợ thì Ngân hàng sẽ trả lại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 035, ký ngày 16/8/2016.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị S không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.*

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của nguyên đơn, bị đơn: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn không

thực đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng *****.

Buộc chị Nguyễn Thị S trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 790.000.000 đồng và tiền lãi là 196.292.327 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 986.292.327 đồng (Chín trăm tám mươi sáu triệu hai trăm chín mươi hai nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng).

Chị Nguyễn Thị S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ.

Chị Nguyễn Thị S hoàn thành việc trả nợ thì Ngân hàng có trách nhiệm trả cho chị S tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CB380439, cấp ngày 31/12/2015, do bà Nguyễn Thị S đứng tên; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CB380440, cấp ngày 31/12/2015, do bà Nguyễn Thị S đứng tên.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Hợp đồng tín dụng số 6507LAV201906117/HĐTD ngày 24/7/2019; Bảng theo dõi phát tiền vay và kỳ hạn trả nợ;

- Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 035 ngày 16/8/2016; Biên bản xác định giá trị tài sản bản đảm; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CB380439; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CB380440; Phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản; Phương án sử dụng vốn phục vụ nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh; Giấy chứng nhận đăng kinh doanh hộ kinh doanh (Bản sao y);

- Báo pháp luật số 300, ngày 25/10/2020; số 301, ngày 26/10/2020 và số 302, ngày 27/10/2020.

- Bảng kê tính lãi tính đến ngày 31/3/2021 (Bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng ***** và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị S cư trú tại Ấp ***, xã TM, huyện TB, tỉnh ĐT nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị S được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị S theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng số 6507LAV201906117/HĐTD ngày 24/7/2019.

Xét thấy, khi đạt được sự thỏa thuận, Ngân hàng và chị Nguyễn Thị S đã ký kết các Hợp đồng tín dụng số 6507LAV201906117/HĐTD ngày 24/7/2019. Tại thời điểm ký kết Hợp đồng, Ngân hàng ***** được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, chị Nguyễn Thị S có khả năng bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự theo quy định. Do đó, khi ký kết Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng và chị S đều có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật. Việc giao kết hợp đồng được thực hiện trên cơ sở tự nguyện của các bên, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội nên Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng và chị S có hiệu lực pháp luật theo quy định khoản 1 Điều 117 của Bộ luật dân sự 2015.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng ***** về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị S trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 790.000.000 đồng và tiền lãi là 196.292.327 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 986.292.327 đồng (Chín trăm tám mươi sáu triệu hai trăm chín mươi hai nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng), yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh đến khi Ngân hàng thu hết khoản nợ.

Xét thấy, sau khi ký kết Hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho chị S số 790.000.000 đồng (Bảy trăm chín mươi triệu đồng). Theo thỏa thuận, chị S có trách nhiệm tiền nợ gốc cho Ngân hàng như sau: Định kỳ trả nợ gốc 01 kỳ, hạn trả cuối cùng ngày 24/01/2020. Tuy nhiên, chị S không thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Như vậy, có cơ sở xác định chị S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng yêu cầu chị S trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 790.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng.

Về lãi suất: Tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết, giữa Ngân hàng và chị S có thỏa thuận về lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, phí chậm trả. Theo thỏa thuận, chị S có trách nhiệm tiền lãi cho Ngân hàng định kỳ trả lãi 03 tháng/lần vào ngày 24. Do đó, Ngân hàng yêu cầu chị S trả số tiền lãi tiền lãi là 196.292.327 đồng (trong đó: Lãi trong hạn là 107.526.575 đồng, lãi quá hạn là 53.763.288 đồng và lãi chậm trả là 3.889.451 đồng) và tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong toàn bộ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng như tiến hành đăng tin yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trên 03 số Báo pháp luật số 300, ngày 26/10/2020; Số 301, ngày 26/10/2020 và số 302, ngày 27/10/2020, niêm yết các Văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho chị S nhưng chị S không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án. Do đó, chị S phải tự chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình và phải chịu trách nhiệm đối với các khoản vay của Ngân hàng.

Từ những phân tích đã nêu trên, Ngân hàng ***** yêu cầu chị Nguyễn Thị S trả cho Ngân hàng số tiền vốn là 790.000.000 đồng và tiền lãi là 196.292.327 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 986.292.327 đồng (Chín trăm tám mươi sáu triệu hai trăm chín mươi hai nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng) và yêu cầu thanh toán tiền lãi phát sinh đến khi thi hành án xong toàn bộ khoản nợ là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về tài sản thế chấp: Khi giao kết Hợp đồng, giữa Ngân hàng và chị S có thỏa thuận về việc xử lý tài sản thế chấp nếu bên được bảo đảm không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 035 ngày 16/8/2016 để đảm bảo thu hồi nợ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng và Điều 299 của Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi chị S hoàn thành việc trả nợ thì Ngân hàng có trách nhiệm trả cho chị S tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 035 ngày 16/8/2016, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CB380439; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CB380440 là phù hợp theo quy định tại Điều 302 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình về quan điểm giải quyết vụ án là đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng ***** là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nên chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 117, Điều 299, Điều 302 của Bộ luật dân sự 2015;

Khoản 2 Điều 91, khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng *****.

Buộc chị Nguyễn Thị S trả cho Ngân hàng ***** số tiền vốn là 790.000.000 đồng và tiền lãi là 196.292.327 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 986.292.327 đồng (Chín trăm tám mươi sáu triệu hai trăm chín mươi hai nghìn ba trăm hai mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Chị Nguyễn Thị S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo thu hồi nợ.

Chị Nguyễn Thị S hoàn thành việc trả nợ thì Ngân hàng có trách nhiệm trả cho chị S tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CB380439, cấp ngày 31/12/2015, do bà Nguyễn Thị S đứng tên; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CB380440, cấp ngày 31/12/2015, do bà Nguyễn Thị S đứng tên.

Về án phí:

Buộc chị Nguyễn Thị S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 41.589.000 đồng (Bốn mươi một triệu năm trăm tám mươi chín đồng).

Trả cho Ngân hàng ***** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.343.000 đồng (Mười chín triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số BH/2019/0002057 ngày 15/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Bình.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án và bản được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Thanh Bình;
- CC THA DS huyện Thanh Bình;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Võ Văn Hồng Biên